BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN HỒNG QUANG

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ TỈNH QUẢNG NAM

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 62.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - 2019

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học

1. TS. Ninh Thị Thu Thủy

2. PGS.TS. Bùi Quang Bình

Phản biện 1: PGS.TS. Lê Quốc Hội

Phản biện 2: PGS.TS. Đào Hữu Hòa

Phản biện 3: PGS.TS. Bùi Đức Tính

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án cấp Đại học Đà Nẵng.

Vào 14h00, ngày 14/12/2018.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Học liệu và Truyền thông – Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế(CDCCNKT) là một chủ đề rất được quan tâm bởi nhiều nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách. CDCCNKT phản ánh tình hình phân bổ nguồn lực của nền kinh tế, quyết định năng lực và sản lượng của nền kinh tế. Chính vì vậy trong lý thuyết kinh tế, CDCCNKT là một tiêu chí trong đánh giá sự phát triển của nền kinh tế.

Có nhiều nghiên cứu ở Việt Nam và thế giới về chủ đề này. Các nghiên cứu của Việt Nam rất nhiều, nhưng phần lớn là các nghiên cứu thực nghiệm để kiến nghị cho hoạch định chính sách hay chủ yếu tập trung vào nền kinh tế quốc gia hay vùng lãnh thổ lớn. Do đó, nghiên cứu chủ đề này cho đối tượng một nền kinh tế tỉnh như Quảng Nam còn thiếu vắng và như một khoảng trống mà nếu giải quyết sẽ là sự kiểm chứng và làm phong phú thêm lý thuyết về phát triển kinh tế.

Nền kinh tế Quảng Nam những năm sau chia tách, quy mô GDP của tỉnh đã mở rộng không ngừng, tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục. Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực. Các ngành công nghiệp (CN) và dịch vụ(DV) đã phát triển rất nhanh thúc đẩy thay đổi cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế nhanh. Tuy nhiên quá trình CDCCNKT vẫn diễn ra chậm, chất lượng CDCC theo lao động chậm hơn chuyển dịch cơ cấu theo GDP và chưa thúc đẩy CDCC lao động, tăng NSLĐ; xu thế điều chỉnh CDCC sang các ngành thâm dụng tài nguyên ngày càng rõ; Cơ cấu và CDCC trong nội bộ ngành nông nghiệp(NN) theo nghĩa hẹp còn lạc hậu và chậm thay đổi, sẽ là sự cản trở tới sự phát triển chung; xu hướng chuyển dịch trong lĩnh vực DV không rõ ràng. Việc giải quyết đề tài về chủ đề này sẽ không chỉ có ý nghĩa về lý luận mà còn giúp cho địa phương đánh giá chính xác cấu trúc và những thay đổi của cấu trúc nền kinh tế, phát hiện ra những điểm mạnh, xu hướng tốt, điểm tồn tại cần khắc phục. Đây là

cơ sở để hoạch định chính sách phát triển dài lâu cho địa phương. Chính vì vậy rất cần thiết phải có một nghiên cứu về *"Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Quảng Nam*".

2. Mục tiêu nghiên cứu: Khái quát luận cứ khoa học về CDCCNKT; Đánh giá tình hình CDCCNKT; Đánh giá tác động của CDCCNKT tới tăng trưởng kinh tế; Nhận diện và đánh giá mức độ tác động của các nhân tố tới CDCCNKT; Kiến nghị các giải pháp chuyển dịch CDCCNKT tỉnh Quảng Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu: CDCCNKT.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Tập trung nghiên cứu CDCC của các ngành kinh tế gồm ngành cấp I và II.

Không gian: Tỉnh Quảng Nam.

Thời gian: Số liệu sử dụng từ 1997-2015 và giá trị của giải pháp cho tới 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu định tính; Phương pháp chuyên gia; Phương pháp thống kê với nhiều phương pháp phân tích khác nhau.

5. Ý nghĩa khoa học của luận án

5.1. Những đóng góp về mặt thực tiễn, lý luận

*Thứ nhất,*Kết quả nghiên cứu của luận án được thực hiện trên địa bàn một tỉnh sẽ là sự kiểm chứng các kết quả đã được công bố, đồng thời chỉ ra những khác biệt có tính chất đặc thù của một địa phương ở một nước đang phát triển.

*Thứ hai;*Phân tích xu hướng thay đổi cơ cấu sản lượng ngành cấp I và II theo lượng và chất. Không dừng ở đó nghiên cứu còn xem xét xu thế thay đổi cơ cấu doanh nghiệp của tỉnh. Đây là khác biệt so với nhiều nghiên cứu về CDCCNKT chỉ tập trung vào biểu hiện của CDCCNKT theo lượng đầu ra. Kết quả cũng đã làm rõ được giả thuyết 1 của nghiên cứu "*Cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh Quảng Nam có sự dịch chuyển tích cực nhưng chất lượng thấp*". Vì thế, có thể coi

đây là sự đóng góp của nghiên cứu.

Thứ ba; Luận án phân tích xu thế thay đổi CCNKT trong một đơn vị tăng trưởng và ước lượng mức độ tác động của CDCCNKT thông qua dịch chuyển lao động tới tăng trưởng GDP. Chiều hướng tác động là dương và khá mạnh. Nghiên cứu cũng đã vận dụng phương pháp SSA để nghiên cứu ảnh hưởng của CDCCNKT tới NSLĐ. Kết quả cho thấy CDCCNKT chủ yếu tạo ra tăng NSLĐ do chuyển dịch lao động từ ngành có năng suất thấp sang năng suất cao, tiềm năng để tăng NSLĐ từ ngành có tốc độ tăng NSLĐ thấp sang ngành có tốc độ tăng NSLĐ cao còn lớn và chưa được phát huy. Kết quả cũng đã cho thấy CDCCNKT đã thay đổi nhất định cách thức phân bổ nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế và đã làm rõ được giả thuyết 2 của nghiên cứu "*CDCCNKT đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phân bổ nguồn lực tốt hơn*". Vì thế, có thể coi đây là điểm mới của nghiên cứu.

*Thứ tư;*Kết quả nghiên cứu đã làm sáng tỏ được một phần của giả thuyết 3 của nghiên cứu "*CDCCNKT chịu ảnh hưởng tích cực từ các yếu tố như vốn, lao động và công nghệ*". Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra tăng trưởng quy mô kinh tế tác động rất rõ tới CDCCNKT. Điều này cũng hàm ý với nền kinh tế đang giai đoạn đầu CNH như Quảng Nam, yếu tố này có vai trò rất lớn tới CDCCNKT. Kết quả của luận án cũng đã chỉ ra rằng các yếu tố chiều rộng như vốn, lao động có ảnh hưởng lớn hơn tới CDCCNKT so với nhân tố chiều sâu TFP. Điều này cũng hàm ý rằng mô hình tăng trưởng kinh tế thiên về chiều rộng của địa phương cũng thể hiện rõ đặc trưng này trong quá trình CDCCNKT. Vì thế, có thể coi đây là điểm mới của nghiên cứu.

Thứ năm; Luận án đã áp dụng cách tiếp cận hành vi thông qua phỏng vấn để xem xét thêm một số yếu tố ảnh hưởng tới CDCCN và bổ sung cho các kết luận rút ra từ phân tích mô hình kinh tế lượng. Kết quả nghiên cứu từ đây là cơ sở để làm rõ được một

phần của giả thuyết 3 của nghiên cứu; Kết quả cũng chỉ ra các yếu tố ngoài mô hình kinh tế lượng có ảnh hưởng rất khác nhau và cũng chỉ ra địa phương cần cải thiện một số định hướng hay yếu tố thể chế và phát huy yếu tố thị trường nội địa nhằm thúc đẩy CDCCNKT. Đây có thể coi đây là điểm mới của nghiên cứu.

Thứ sáu: Những đề xuất định hướng phát triển các ngành kinh tế tỉnh Quảng Nam được rút ra từ kết quả nghiên cứu cũng là một đóng góp của nghiên cứu.

5.2. Những hàm ý, đề xuất mới rút ra từ kết quả nghiên cứu

Thứ nhất; Duy trì ảnh hưởng từ CDCCNKT tới tăng trưởng kinh tế.

Thứ hai; Sử dụng có hiệu quả các yếu tố nguồn lực thúc đẩy CDCCNKT.

*Thứ ba;*Cần phát huy tính tích cực và khắc phục các hạn chế từ các yếu tố khác như: (i) Cần có chính sách sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý; (ii) Tiếp tục phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh và hạ tầng kết nối với các địa phương trong vùng; (iii) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính hoàn thiện môi trường kinh doanh; (iv) Mở rộng thị trường nội địa và kích thích tiêu dùng.

Thứ tư; CDCCNKT cần phát triển theo định hướng cơ bản sau: Phát triển NN trên cơ sở tái cấu trúc theo hướng nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và chất lượng sản phẩm; Phát triển các ngành CN có nhiều lợi thế, tập trung vào các ngành CN chế biến, chế tác, chế biến tài nguyên, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa của tỉnh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; Phát triển ngành DV theo hướng nâng cao giá trị gia tăng trên cơ sở phát triển các thương mại và DV cao cấp và DV hỗ trợ các ngành sản xuất của tỉnh và vùng.

6. Kết cấu của đề tài

Chương 1. Cơ sở lý luận về CDCC ngành kinh tế

Chương 2. Đặc điểm của địa bàn và phương pháp nghiên cứu

Chương 3. CDCC ngành và tác động của nó tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Nam

Chương 4. Phân tích các nhân tố tác động tới CDCC ngành kinh tế tỉnh Quảng Nam

Chương 5. Định hướng và hàm ý chính sách về CDCC ngành kinh tế

7. Các nghiên cứu về CDCCNKT

7.1. Các nghiên cứu ở nước ngoài

Các công trình nghiên cứu về CDCCNKT ở nước ngoài cho thấy chiều hướng thay đổi trong dài hạn của CCNKT trong dài hạn. Nguồn lực của nền kinh tế có sự dịch chuyển từ các ngành truyền thống sang ngành hiện đại, từ khu vực NN sang khu vực CN và DV, từ những ngành có năng suất và trình độ công nghệ thấp sang các ngành có công nghệ cao.

7.2. Các nghiên cứu ở Việt Nam

Các nghiên cứu trong nước đã tập trung vào cơ sở lý thuyết kinh tế để xây dựng luận cứ cho CDCC kinh tế Việt Nam, phân tích thực tế quá trình thay đổi cơ cấu kinh tế Việt Nam theo ngành và lãnh thổ để chỉ ra xu thế thay đổi đã diễn ra cùng với các vấn đề của nó. Do vậy khi vận dụng cho nghiên cứu ở Quảng Nam thì cần xem xét trong bối cảnh riêng của địa phương.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ

1.1. Lý thuyết về xu thế CDCCNKT

1.1.1. Quan niệm về cơ cấu và CDCCNKT

Cơ cấu ngành kinh tế là tổng thể những mối quan hệ về số lượng và chất lượng giữa các ngành trong tổng thể kinh tế, thể hiện

mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại cả về số và chất lượng giữa các ngành với nhau.

Chuyển dịch cơ cấu là sự thay đổi của cơ cấu kinh tế theo thời gian từ trạng thái và trình độ này tới một trạng thái và trình độ khác phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội và các điều kiện vốn có nhưng không lặp lại trạng thái cũ. Hay nói cách khác cơ cấu ngành kinh tế luôn thay đổi theo thời gian phù hợp với các điều kiện kinh tế xã hội nhất định.

1.1.2. Nội dung CDCCNKT

a. CDCCNKT theo sản lượng đầu ra

CDCC ngành kinh tế theo sản lượng đầu ra là sự thay đổi của cấu trúc sản lượng của các ngành kinh tế trong tổng sản lượng của nền kinh tế theo thời gian và phù hợp với trạng thái và trình độ phát triển kinh tế xã hội và các điều kiện nhất định. Trong dài hạn, tỷ trọng các ngành hiện đại, có trình độ công nghệ cao sẽ tăng và các ngành truyền thống có xu hướng giảm và trong nội bộ từng ngày cũng có sự dịch chuyển tương tự. Có một số xu hướng chuyển dịch chính như sau:

- Tỷ trọng sản lượng hay giá trị của ngành NN giảm trong GDP hay sản lượng sản xuất trong khi tỷ trọng của CN và DV có xu hướng tăng;
- Trong ngành CN, xu thế dài hạn là tỷ trọng sản lượng hay giá trị các ngành CN chế biến chế tạo tăng dần trong sản lượng hay giá trị ngành CN;
- Trong NN theo nghĩa hẹp, tỷ trọng giá trị ngành trồng trọt có xu hướng giảm dần… nhưng điều này cũng tùy thuộc địa bàn.
- Trong ngành DV thì tỷ trọng DV chất lượng cao dần tăng lên…

b. CDCCNKT theo sản lượng đầu vào

- CDCC ngành kinh tế theo đầu vào là sự thay đổi của cấu trúc các yếu tố đầu vào như vốn, lao động của các ngành kinh tế trong tổng số các yếu tố của nền kinh tế theo thời gian và phù hợp

với trạng thái và trình độ phát triển kinh tế xã hội và các điều kiện nhất định. Trong dài hạn, xu thế chuyển dịch đó là:

- Tỷ trọng đầu vào cho ngành truyền thống có năng suất thấp như nông lâm thủy sản giảm dần và tập trung nhiều hơn cho các ngành hiện đại có năng suất cao như công nghiệp và dịch vụ;
- Tỷ trọng đầu vào phân bổ cho các ngành có tốc độ tăng năng suất lao động thấp giảm dần và tăng dần cho các ngành có tốc độ tăng năng suất cao.

1.2. Cơ sở lý luận về ảnh hưởng của CDCCNKT tới tăng trưởng kinh tế

1.2.1. Ảnh hưởng của CDCCNKT tới NSLĐ

Nâng cao NSLĐ vừa là yếu tố thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu. Theo chiều ngược lại, CDCCKT cũng sẽ tác động tới nâng cao năng suất, hiệu quả của nền kinh tế và tăng trưởng kinh tế.

1.2.2. . Ảnh hưởng của CDCCNKT phân bổ nguồn lực

Xu thế chung nguồn lực được phân bổ cho các ngành tùy thuộc vào giai đoạn phát triển của các nền kinh tế. Nhưng giai đoạn đầu của CNH như Việt Nam thì nguồn lực được dịch chuyển dần cho các ngành chủ lực của CNH. Tuy nhiên việc nghiên cứu CDCCNKT theo đầu vào và đầu ra sẽ có liên quan với nhau, nghĩa là phải xem xét trong mối quan hệ với nhau thì mới bảo đảm tính hiệu quả.

1.2.3 Ảnh hưởng của CDCCNKT tới tăng trưởng GDP

CDCCKT có ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế. Thông thường với một CCKT sẽ kèm theo đó là một cách phân bổ nguồn lực và do đó tạo ra và duy trì mức tăng trưởng GDP khác nhau. Do đó, nếu cơ cấu kinh tế là hợp lý và hiệu quả sẽ cho phép đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao tương ứng.

1.2.4. Định hình khung phân tích về ảnh hưởng của CDCCNKT tới tăng trưởng kinh tế

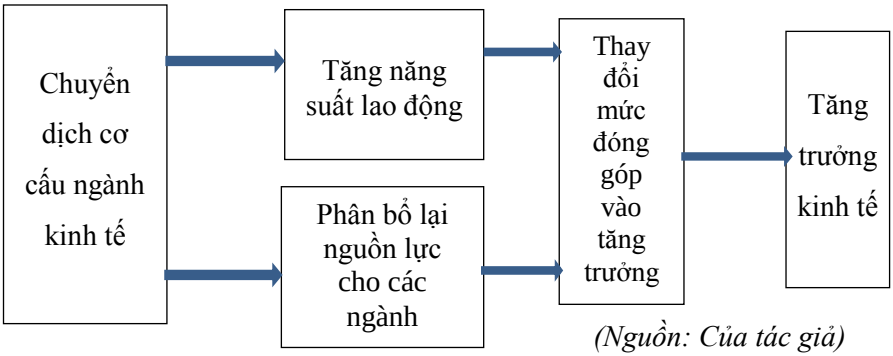

(Nguồn: Của tác giả)

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới CDCCNKT

1.3.1. Các lý thuyết liên quan tới các nhân tố ảnh hưởng tới CDCCNKT

1.3.2. Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng tới CDCCNKT

Điều kiện tự nhiên và tài nguyên của quốc gia hay vùng lãnh thổ; Lao động; Nguồn vốn; Yếu tố công nghệ sản xuất; Tốc độ tăng trưởng của các ngành kinh tế; Môi trường thể chế và Nhu cầu thị trường.

1.3.3. Lược đồ các yếu tố tác động tới CDCCNKT

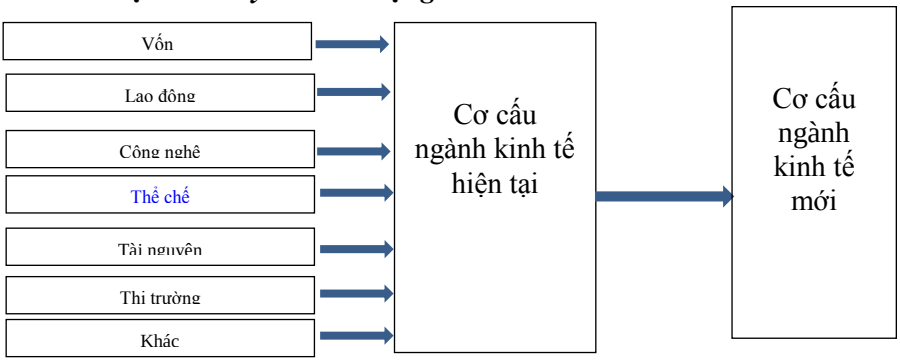

(Nguồn: Của tác giả)

1.4. Bài học kinh nghiệm CDCCNKT của một số địa phương vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

1.4.1. Kinh nghiệm từ thành phố Đà Nẵn

1.4.2. Kinh nghiệm từ tỉnh Quảng Ngài

1.4.3. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Quảng Nam

Thứ nhất, Cơ cấu ngành kinh tế phải được định hướng thay đổi trong quy hoạch và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Ngoài ra chúng còn là định hướng huy động và phân bổ nguồn lực của nền kinh tế đẻ thực hiện CDCC ngành kinh tế;

Thứ hai, CDCC ngành kinh tế đòi hỏi địa phương phải có được hệ thống cơ chế và chính sách điều hành nền kinh tế tốt, hiệu lực và hiệu quả hay chất lượng cao.

Thứ ba, CDCC ngành kinh tế cần được định hướng theo tới mục tiêu của nền kinh tế được công nghiệp hóa tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương.

Thứ tư, tùy theo bối cảnh mà xây dựng hệ thống cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Thông qua phát triển như vậy huy động nguồn lực vốn và công nghệ từ trung ương để phát triển cơ sở hạ tầng và công nghiệp địa phương, các ngành dịch vụ.

Thứ năm, CDCC ngành kinh tế đòi hỏi phải giải quyết vấn đề nút thắt của nền kinh tế. Đó là tính không đồng bộ, thiếu kết nối và tính phát triển của cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực ở địa phương.

CHƯƠNG 2
ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đặc điểm của địa bàn nghiên cứu

2.1.1. Điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Nam

2.1.2. Tình hình kinh tế của tỉnh Quảng Nam

Quy mô GDP của tỉnh đã mở rộng không ngừng, tốc độ tăng trưởng nhanh và liên tục; Năng lực sản xuất ngày càng mở rộng nhờ sự

gia tăng nhanh các yếu tố nguồn lực cả bên trong và bên ngoài của nền kinh tế; Đã tạo ra những động lực chính của tăng trưởng trong ngành CN-XD, DV, thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và tiêu dùng cá nhân cũng như hàng hóa đầu tư; cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực. Tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề,đó là: tăng trưởng vẫn dưới tiềm năng và không ổn định; Năng lực sản xuất ngày càng mở rộng vẫn thiên về khai thác nhân tố chiều rộng như vốn, lao động… Động lực chính của tăng trưởng không ổn định và chưa phát huy hết vai trò của tiêu dùng cá nhân, NN và xuất khẩu dù đây là những lĩnh vực có tiềm năng của địa phương. CDCC lao động còn chậm.

2.2. Giả thuyết và khung phân tích

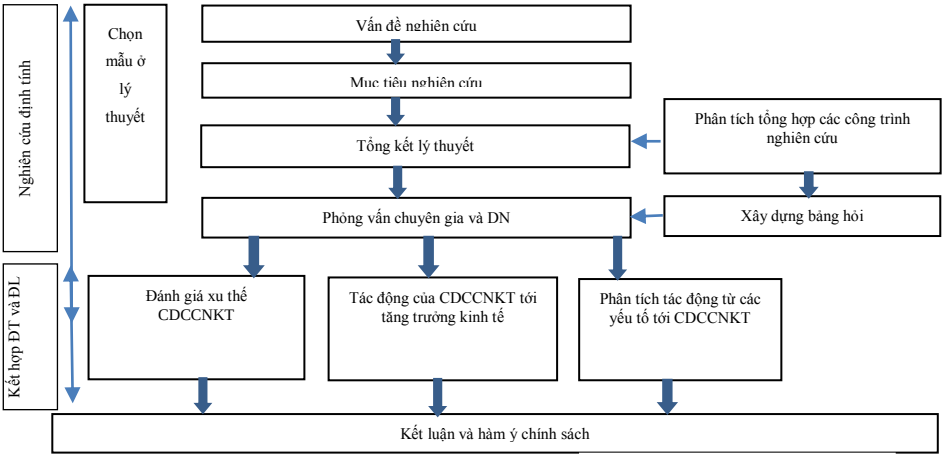

(Nguồn: Của tác giả)

Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết 1: Cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh Quảng Nam có sự dịch chuyển tích cực nhưng chất lượng thấp.

*Giả thuyết 2:*CDCCNKT đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phân bổ nguồn lực tốt hơn.

*Giả thuyết 3:*CDCCNKT chịu ảnh hưởng (i) tích cực từ các yếu tố như vốn, lao động và công nghệ; (ii) mức độ cao từ thể chế, hạ tầng, thị trường và tài nguyên.

2.3. Phương pháp phân tích sử dụng trong nghiên cứu*2.3.1.*

Phương pháp phân tích định tính

Phương pháp diễn dịch trong suy luận

Phương pháp quy nạp trong suy luận

Phương pháp phỏng vấn sâu

2.3.2. Phương pháp phân tích thống kê

a. Phương pháp phân tích thống kê mô tả

Phương pháp đồ thị và bảng thống kê để tổng hợp

Phương pháp số bình quân, số tương đối, phân tích tương quan, phương pháp dãy số thời gian…

Phân tích cơ cấu và mức CDCCNKT

Phân tích trình độ CDCC

Phương pháp phân tích cấu trúc sản lượng

Cơ cấu và mức CDCC

Phương pháp phân tích chuyển dịch cơ cấu ngành trong mối quan hệ với tăng trưởng năng suất lao động - SSA

Phương pháp chỉ số

b. Phương pháp kinh tế lượng

- Phân tích tác động của CDCC tới tăng trưởng kinh tế

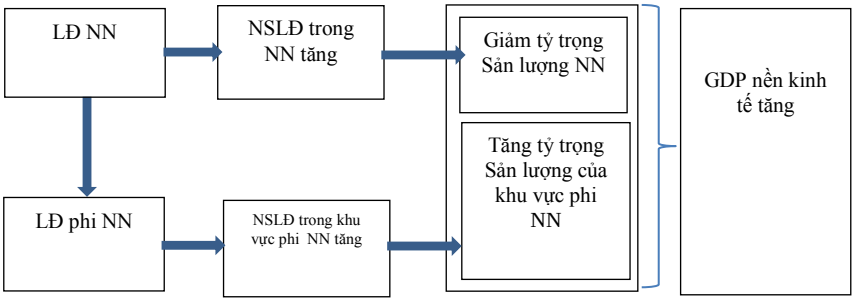

(Nguồn: Của tác giả)

Mô hình kinh tế lượng như sau:

$lny_{it} = \beta_0 + \beta_1 lnvon_{it} + \beta_2 lnl_{it} + \beta_3 lnLnn_t + \varepsilon_{it}$

Trong đó:

i ở đây bao gồm ngành CN và ngành TM-DV;

lny_{it} là biến đại diện cho tăng trưởng kinh tế và y_{it} là giá trị gia tăng của ngành i năm t;

$lnvon_{it}$ đại diện cho vốn đầu tư cho các ngành; von là giá trị tổng đầu tư phát triển cho các ngành i năm t;

lnl_{it} đại diện cho yếu tố lao động; l tổng lao động trong cho các ngành i năm t;

$lnLnn_t$ biến đại diện cho CDCC kinh tế; Lnn_t là tỷ lệ lao động trong ngành NN năm t.

- Phân tích tác động của các nhân tố tới CDCCNKT

2.4. Phương pháp thu thập số liệu

2.4.1. Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp

2.4.2. Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp

CHƯƠNG 3
CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH QUẢNG NAM

3.1. CDCCNKT theo sản lượng đầu ra

3.1.1. CDCCNKT theo sản lượng đối với ngành cấp I

Cơ cấu ngành kinh tế cấp I của tỉnh Quảng Nam những năm qua đã có xu hướng chuyển dịch tích cực. Xu hướng này được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng mạnh của ngành CN-XD và DV. Tuy nhiên, sự thay đổi đang chậm lại và sự suy giảm này khá nhanh và chỉ mới thể hiện về sản lượng chưa phản ánh hiệu quả.

3.1.2. CDCCNKT theo sản lượng đối với ngành cấp II

Trong nội bộ các ngành cấp II, xu thế CDCCNKT vẫn thể hiện những dấu hiệu tích cực theo những xu hướng chung của các nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Xu thế này được hỗ trợ bởi các ngành kinh tế mà địa phương có nhiều lợi thế cũng như nhằm thực hiện các định hướng CNH nền kinh tế như sự phát triển ngành thủy sản, điện khí và thương mại. Tuy nhiên, những thay đổi cơ cấu nội bộ ngành kinh tế này vẫn còn nhiều hạn chế. Sự phát triển của các ngành nội bộ NN chưa được hỗ trợ và thúc đẩy bởi các ngành CN. Trong khi các ngành trong nội bộ CN chỉ mới ở trình độ phát triển ở giai đoạn đầu của sự phát triển ngành này. Nền kinh tế chủ yếu tập trung phát triển các ngành có trình độ công nghệ thấp, thâm dụng lao động, tài nguyên và giá trị gia tăng thấp. Ngành DV chưa phát triển tương xứng với tiềm năng của nền kinh tế.

3.2. CDCC ngành kinh tế theo yêu tố đầu vào

3.2.1. CDCC ngành kinh tế theo lao động

Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế cấp 1 của tỉnh Quảng Nam những năm qua đã có xu hướng chuyển dịch tích cực. Xu hướng này được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng mạnh của ngành CN - XD và dịch vụ.

Xét về tổng thể góc CDCC của lao động chỉ đạt 22,07 độ trong khi của CDCC sản lượng là 35.54% và kém hơn -13.47 độ. Như vậy CDCC lao động chậm hơn khá nhiều so với chuyển dịch theo sản lượng. Điều này cũng hàm ý rằng CDCC chủ yếu theo sản lượng và do đó chưa thúc đẩy tăng năng suất của nền kinh tế.

3.2.2. CDCC ngành kinh tế theo vốn đầu tư

Xu thế chuyển dịch có những dấu hiệu tích cực; đã góp phần phân bổ vốn đầu tư vào các ngành kinh tế theo định hướng phát triển chung và thúc đẩy CDCC ngành kinh tế trong quá trình CNH .Tuy

nhiên, cơ cấu vốn đầu tư theo ngành kinh tế có sự thay đổi chậm hơn nhiều so với cơ cấu sản lượng và lao động theo ngành cấp I. Điều này hàm ý rằng việc phân bổ vốn đầu tư dường như chưa thực sự hợp lý và hiệu quả chưa cao. Không khuyến khích nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

3.3. Tác động của CDCCNKT tới tăng trưởng GDP

3.3.1. Đánh giá qua mức đóng góp vào tăng trưởng GDP do CDCCNKT

Thứ nhất, Đóng góp và ảnh hưởng ngày càng rõ mức tăng giá trị gia tăng của ngành CN xây dựng ngày càng lớn hơn trong tăng trưởng GDP của nền kinh tế.

Thứ hai, Những biến động tăng trưởng giá trị gia tăng của các ngành phi NN cao nên mức ảnh hưởng cũng khó lường. Vai trò của ngành thương mại DV vẫn chưa rõ nét.

3.3.2. Đánh giá tác động của CDCCNKT tới tăng trưởng GDP thông qua mô hình kinh tế lượng

Mô hình, dữ liện và phương pháp ước lượng

Áp dụng mô hình phân tích (12) ở mục 2.2.1.

$$lny_{it} = \beta_0 + \beta_1 lny_{it-1} + \beta_2 cdcc_{it} + \beta_3 X_{it} + \varepsilon_{it} \quad (12)$$

Trong trường hợp nghiên cứu này mô hình này được viết lại thành

$$lny_{it} = \beta_0 + \beta_1 lny_{it-1} + \beta_2 cdcc_{it} + \beta_3 kh_{it} + \varepsilon_{it} \quad (12A)$$

Trong đó:

i ở đây bao gồm ngành công nghiệp và ngành thương mại - dịch vụ;

lny_{it} là biến đại diện cho tăng trưởng kinh tế và y_{it} là giá trị gia tăng của ngành i năm t;

$cdcc_t$ biến đại diện cho CDCC kinh tế ngành của năm t.

kh_{it} đại diện cho vốn con người – tỷ lệ lao động qua đào tạo trong ngành i năm t;

Nhưng biến tăng trưởng kinh tế năm trước – lny_{it-1} và $cdcc_{it}$ là biến nội sinh Để giải quyết vấn đề này, ở đây nên ở đây sẽ thiết lập phương trình sau:

$$lny_{it-1} = \beta_0 + \beta_1 lnk1_{it-1} + \beta 2lnl1_{it-1} + \varepsilon it \quad (12B)$$

$$cdcc_{it} = \beta_0 + \beta_1 b_{it} + \beta_2 bugetl_{it} + \beta_3 sarg_{it} + \beta_4 lnl_{it} + \varepsilon it \quad (12C)$$

Ba phương trình 12A, 12B và 12C là một hệ đồng thời. Ở đây biến nội sinh lny_{it-1} và $cdcc_{it}$ được giải quyết thông qua các biến ngoại sinh ở trong phương trình 12B và 12C. Trong trường hợp này theo Zellner, A & Theil.H (1962) có thể áp dụng phương pháp ước lượng 3SLS.

Với kết quả ước lượng nhận xét như sau:

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế có tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hệ số hồi quy ở đây bằng + 0.462. Điều này hàm ý rằng chuyển dịch cơ cấu các ngành làm thay đổi góc chuyển dịch cơ cấu kéo theo sự phân bổ nguồn lực hệu quả hơn. Chính điều này thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Quy mô nền kinh tế tới kỳ trước có ảnh hưởng tích cực tới tăng trưởng kinh tế năm sau. Hệ số hồi quy là + 0. 604 hàm ý quy mô thời kỳ trước lớn hơn 1% thì tăng trưởng kinh tế năm sau sẽ tăng 0.064%.

Vốn có người có hệ số hồi quy là +0.125 hay tác động dương. Điều này hàm ý rằng khi lao động làm việc trong các ngành kinh tế có tỷ lệ qua đào tạo tăng 1% sẽ thúc đầy tăng trưởng 0.125% khi các yếu tố khác không đổi.

Các yếu tố nguồn lực như vốn, lao động có tác động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Các yếu tố như lao động, tỷ lệ chi tiêu ngân sách và mức tín dụng dành cho các doanh nghiệp vay tac động tích cực tới CDCC ngành kinh tế qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Kết quả này cũng cho thấy chuyển dịch ngành kinh tế có ý nghĩa rất lớn với tăng trưởng kinh tế ở đây.

3.4. Tác động CDCCNKT tới NSLĐ

Thứ nhất, NSLĐ của tỉnh Quảng Nam đã tăng lên liên tục và nhanh hơn của cả nước. CDCCNKT đã có những đóng góp nhiều và rõ hơn vào tăng trưởng NSLĐ.

Thứ hai, NSLĐ của tỉnh vẫn thấp hơn so với cả nước. CDCCNKT tuy đã thúc đẩy tăng NSLĐ nhưng vẫn còn thấp hơn so với tăng năng suất nội bộ ngành. Đóng góp chủ yếu vẫn dựa vào chuyển dịch "tĩnh" và dư địa còn khá nhiều.

3.5. Tác động CDCCNKT tới phân bổ nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế

*Thứ nhất,*Quá trình CDCCNKT đã tạo ra một cơ chế điều chỉnh dịch chuyển lao động khá tích cực phù hợp với quy luật chung. Tuy nhiên, vẫn còn thay đổi chậm hơn với yêu cầu, chủ yếu từ khu vực truyền thống sang khu vực kinh tế hiện đại, giữa các ngành trong nội bộ các ngành. Nhưng vẫn còn chậm so với xu thế thay đổi của cơ cấu đầu ra và thể hiện hiệu quả của CDCC ngành chưa cao.

Thứ hai, CDCC theo ngành đã dẫn tới cách thức phân bổ vốn đã diễn ra nhanh và rất mạnh để thực hiện mục tiêu CNH và dựa trên khả năng huy động cao nguồn lực này. Tuy nhiên, cách thức phân bổ nguồn lực này của nền kinh tế lại mang dấu ấn thiên về vốn khá rõ. Những điều chỉnh về vốn dường như lớn hơn nhiều so với điều chỉnh về lao động và không phát huy vai trò của yếu tố này cũng như phát huy các nhân tố chiều sâu trong các ngành kinh tế.

Thứ ba, Cơ chế phân bổ nguồn lực của nền kinh tế đã chú trọng nâng cao trình độ công nghệ cho các ngành kinh tế. Tuy nhiên vẫn tập trung cho ngành CN, chưa có sự lan tỏa mạnh tới các ngành kinh tế khác đặc biệt là NN.

CHƯƠNG 4
PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG TỚI CDCCNKT TỈNH QUẢNG NAM

4.1. Phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới CDCC kinh tế theo mô hình kinh tế lượng

Sử dụng mô hình (16) đã trình bày trên và điều chỉnh lại ký hiệu các biến như mô hình (17)

$$CDCC_{it} = \beta_0 + \beta_1 lnY_{it} + \beta_2 b_{it} + \beta_3 buget_{it} + \beta_3 sarg_{it} + \varepsilon_{it} \quad (17)$$

Nhưng biến quy mô hay tăng trưởng kinh tế - lny là biến nội sinh. Để giải quyết vấn đề này, ở đây nên ở đây sẽ thiết lập phương trình sau:

$$lny_{it} = \beta_0 + \beta_1 lnk_{it} + \beta_2 lnl_{it} + TTTFP_{it} + \varepsilon it \quad (18)$$

Hai phương trình này là một hệ đồng thời. Ở đây biến nội sinh lny được giải quyết thông qua các biến ngoại sinh ở trong phương trình (18). Trong trường hợp này theo Zellner, A & Theil.H (1962) có thể áp dụng phương pháp ước lượng 3SLS.

Kết quả định lượng như sau:

Quy mô kinh tế tác động dương tới CDCC như kết quả các nghiên cứu định tính đã chỉ ra. Hệ số hồi quy là +0.167 hàm ý rằng tăng trưởng kinh tế sẽ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhưng mức độ tác động không lớn lắm.

Tìn dụng ngân hàng cũng có ảnh hưởng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hệ số hồi quy là +0.181. Điều này hàm ý rằng khi các doanh nghiệp có điều kiện vốn vay họ sẽ đầu tư nhiều hơn vào các

lĩnh vực kinh doanh cơ sở để dịch chuyển từ ngành này sang ngành khác.

Chi tiêu ngân sách có ảnh hưởng tới chuyển dịch cơ cấu, hệ số hồi quy là + 0.119 hay tác động tích cực. Chi tiêu ngân sách cho các ngành cũng tạo thêm nguồn lực cho hoạt động kinh tế và thúc đẩy CDCC ngành kinh tế.

Sử dụng đất cho sản xuất của các ngành như điều kiện góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hệ số hồi quy là +0.108.

Cũng giống như kết quả các nghiên cứu định tính đã chỉ ra, tăng trưởng lao động, vốn sản xuất và TFP tác động dương tới tăng trưởng kinh tế -lny. Hệ số hồi quy của lao động là +0.34, vốn sản xuất là +0.21 và TFP là +0.02. Như vậy thông qua thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - lny các yếu tố này cũng thúc đẩy CDCC ngành KT.

4.2. Ảnh hưởng của các nhân tố ngoài mô hình kinh tế lượng tới CDCCNKT tỉnh Quảng Nam

Các yếu tố này gồm 4 nhóm, đó là: điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, môi trường kinh doanh và các yếu tố thị trường. Qua phân tích có thể kết luận như sau:

Thứ nhất; Yếu tố tài nguyên thiên nhiên, Lợi thế tự nhiên không phải là yếu tố để thu hút doanh nghiệp vào các ngành. Nhưng mức độ tác động rất khác nhau và chưa rõ ràng. Các yếu tố này chỉ quan trọng với quyết định lựa chọn đầu tư vào lĩnh vực hay ngành của doanh nghiệp có đầu vào gắn liền với yếu tố này. Đây là những yếu tố gắn với vị trí địa lý của tỉnh mà có thể mang lại "địa tô" và cũng có thể Quảng Nam có môi trường kinh doanh thuận lợi.

Thứ hai; Về cơ sở hạ tầng, nhóm yếu tố này có tầm quan trọng khác nhau tùy theo nhóm ngành của doanh nghiệp. Nhưng trong nhóm này có một số yếu tố có ảnh hưởng chưa rõ ràng tới sự

lựa chọn đầu tư và cần phải cải thiện và khắc phục. Đó là chất lượng kém và thiếu đồng bộ với bên ngoài của hạ tầng trong khu CN và hệ thống ngân hàng, kiểm toán phát triển chậm hơn yêu cầu. Các yếu tố có tác động rõ ràng như cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông tốt, hạ tầng cung cấp điện, nước tốt, hệ thống hạ tầng giao thông thuận lợi. Đây cũng thể hiện mức đánh giá cao tới các yếu tố này mà tỉnh nên duy trì và tiếp tục phát huy được các yếu tố tích cực

Thứ ba; Nhóm yếu tố môi trường kinh doanh hay thể chế có ảnh hưởng lớn tới quyết định lựa chọn lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Theo ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng thì các yếu tố có ảnh hưởng chưa rõ ràng lựa chọn lĩnh vực hoạt động của DN và cần có sự cải thiện. Đó là cạnh tranh bình đẳng, Có chính sách đào tạo lao động tốt, và hệ thống pháp luật và tư pháp để giải quyết tranh chấp công bằng và hiệu quả. Nên duy trì và tiếp tục phát huy những yếu tố đáng phát huy tác động rõ ràng tới lựa chọn của DN như Chi phí gia nhập thị trường thấp cho biết mức chi phí các loại mà DN phải chi ra để tham gia thị trường; Yếu tố DV hỗ trợ doanh nghiệp, do khu vực nhà nước và tư nhân cung cấp; Yếu tố lãnh đạo tỉnh năng động và tiên phong được các đối tượng phỏng vấn đánh giá khá; DN dễ dàng tiếp cận đất đai và có mặt bằng kinh doanh ổn định.

Thứ tư; Nhóm yếu tố về thị trường có tác động chưa rõ ràng trong đó các yếu tố như thu nhập bình quân của người dân cao; Mức độ cạnh tranh trên thị trường thấp; Chi tiêu, đầu tư của chính quyền lớn có ảnh hưởng không rõ ràng. Các yếu tố quy mô dân số (thị trường) lớn và người dân có khuynh hướng tiêu dùng nhiều có ảnh hưởng nhưng ở múc độ thấp.

CHƯƠNG 5
ĐỊNH HƯỚNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH VỀ CDCCNKT

5.1. Dự báo cơ cấu ngành và định hướng CDCCNKT tỉnh Quảng Nam

5.1.1. Dự báo cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Quảng Nam đến năm 2025

Ngành	2015	2020	2025	Thay đổi 2015-2025
Nông lâm thủy sản	13.1	8.7	5.7	-7.38
CN-XD	47.3	53.2	55.2	7.85
TM-DV	39.6	38.1	39.1	-0.47

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

5.1.2. Định hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Thứ nhất về phát triển ngành CN: *Phát triển các ngành CN có nhiều lợi thế, tập trung vào các ngành CN chế biến, chế tác, chế biến tài nguyên, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa của tỉnh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.*

Thứ hai về NN: *Phát triển NN trên cơ sở tái cấu trúc theo hướng nâng cao năng suất, giá trị gia tăng và chất lượng sản phẩm.*

Thứ ba về phát triển TM-DV:*Phát triển theo hướng nâng cao giá trị gia tăng trên cơ sở phát triển các TM-DV cao cấp và DV hỗ trợ các ngành sản xuất của tỉnh và vùng.*

5.2. Các hàm ý chính sách thúc đẩy CDCCNKT

5.2.1. Duy trì ảnh hưởng từ CDCCNKT tới tăng trưởng kinh tế

Thứ nhất; Tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của các ngành phi NN trong đóng góp vào giá trị tăng trưởng GDP, đặc biệt quan tâm phát huy vai trò của ngành TM-DV của tỉnh. Nhưng cần có những giải pháp bảo đảm sự ổn định tăng trưởng giá trị gia tăng ngành CN-XD và NN.

Thứ hai; Duy trì mức tăng NSLĐ ổn định những năm tới. Nhưng cần có những giải pháp để tăng tỷ trọng đóng góp từ CDCCNKT. Đồng thời có những giải pháp đẩy nhanh quá trình chuyển dịch lao động từ các ngành có tốc độ tăng NSLĐ thấp sang những ngành có tốc độ tăng NSLĐ cao.

Thứ ba; Điều chỉnh cách thức phân bổ nguồn lực của nền kinh tế theo hướng đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

5.2.2. Sử dụng có hiệu quả các yếu tố nguồn lực thúc đẩy CDCCNKT

Thứ nhất; Phát huy vai trò và tác động của nhân tố lao động thúc đẩy CDCCNKT.

Thứ hai; Tiếp tục phát huy vai trò của nhân tố vốn đầu tư nhưng một mặt tăng cường thu hút đầu tư từ bên ngoài, mặt khác nâng cao chất lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư.

Thứ ba; Công nghệ vẫn là yếu tố quan trọng bậc nhất trong những năm tới để thúc đẩy CDCCKT trong những năm tới.

5.2.3. Các giải pháp phát huy tính tích cực và khắc phục các hạn chế từ các yếu tố ngoài mô hình kinh tế lượng

Thứ nhất; Cần có chính sách sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý trong phát triển kinh tế.

Thứ hai; Tiếp tục phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn tỉnh và hạ tầng kết nối với các địa phương trong vùng.

*Thứ ba;*Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính hoàn thiện môi trường kinh doanh ở Quảng Nam.

Thứ tư; Mở rộng thị trường nội địa và kích thích tiêu dùng.

5.3. Những hạn chế của nghiên cứu

Thứ nhất; Chỉ thực hiện nghiên cứu cho một tỉnh nên việc kế thừa các nghiên cứu trước và giải quyết vấn đề chưa thể như kỳ vọng.

Thứ hai; Dữ liệu nghiên cứu: độ dài thời gian chỉ khoảng 18 năm và không gian nghiên cứu chỉ một tỉnh nên vẫn còn hạn chế. Thời gian thực hiện Luận án kéo dài, nhưng không cập nhật bổ sung các năm sau.

Thứ ba; Phương pháp nghiên cứu, chưa thực hiện so sánh với nhiều phương pháp nghiên cứu định lượng khác nhau. Ngoài ra, vấn đề xử lý chuỗi thời gian trong nghiên cứu cũng chưa triệt để.

Thứ tư;Các yếu tố ảnh hưởng tới CDCCNKT chủ yếu tập trung vào các yếu tố bên trong mà chưa đề cập tới các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế hay ảnh hưởng từ sự phát triển của các tỉnh lân cận.

KẾT LUẬN

1. Về lý luận

Thứ nhất, Nghiên cứu đã khái quát được quan niệm về cơ cấu và CDCCNKT.

Thư hai, Nhận diện và phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng tới chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các nhân tố tác động này là: vốn, lao động, công nghệ, tài nguyên, thể chế và thị trường….

2. Về xu thế CDCCNKT

Thứ ba; Cơ cấu ngành kinh tế theo sản lượng đều thể hiện sự thay đổi theo hướng tích cực. Tuy nhiên sự chuyển dịch này đang chậm dần, tính hiệu quả chưa cao khi những ngành dựa vào khai thác tài nguyên và lao động giá rẻ.

Thứ tư; Các doanh nghiệp vẫn tập trung chủ yếu trong khu vực hiện đại và đóng góp ngày càng lớn.

3. Về ảnh hưởng của CDCCNKT tới tăng trưởng kinh tế

Thứ năm; Tác động của CDCCNKT tới tăng trưởng kinh tế khá rõ, trong đó vai trò của các ngành phi NN ngày càng tăng nhưng thay đổi rất khó lường. Tiềm năng của ngành thương mại tăng trưởng còn rất lớn.

Thứ sáu; Tỷ lệ tăng NSLĐ của tỉnh Quảng Nam nhanh hơn của cả nước nhưng mức NSLĐ lại thấp hơn; CDCCNKT tuy đã thúc đẩy tăng NSLĐ và tạo nền tảng tăng trưởng dựa vào chiều sâu khi chưa tạo ra chuyển dịch lao động từ ngành có tốc độ tăng năng suất thấp sang tăng NSLĐ cao.

Thứ bảy; CDCCNKT đã tạo ra sự chuyển biến trong cách thức phân bổ nguồn lực cho tăng trưởng từng bước theo chiều sâu và hiệu quả. Tuy nhiên việc phân bổ vẫn còn những bất cập trong một số thời điểm, tập trung sự ưu tiên cho mục tiêu CNH về lượng nhưng thiếu về chất.

4. Về các yếu tố tác động tới CDCCNKT

4.1. Các yếu tố từ mô hình kinh tế lượng

Thứ tám; Quy mô nền kinh tế tăng có tác động thúc đẩy CDCCNKT.

Thứ chín; Tăng trưởng lao động có tác động thúc đẩy chuyển dịch cơ cầu kinh tế của tỉnh.

Thứ mười; Vốn sản xuất vẫn là yếu tố quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Thứ mười một, Công nghệ là yếu tố có ảnh hưởng tích cực tới CDCCNKT, tuy nhiên tiềm năng còn rất lớn so với các ngành khác.

4.2. Về các nhân tố ngoài mô hình kinh tế lượng

Thứ mười hai; Mức độ tác động của yếu tố tài nguyên thiên nhiên thực sự không rõ ràng và rất khác nhau với các nhóm DN. Các DN thường quan tâm tới những yếu tố có thể nhân được "địa tô" từ tài nguyên.

Thứ mười ba; Cơ sở hạ tầng là nhóm yếu tố có ảnh hưởng tới lựa chọn lĩnh vực hoạt động của DN. Tuy nhiên mức độ tác động của các yếu tố khá khác nhau do chất lượng kém và thiếu đồng bộ. Phát triển cơ sở hạ tầng vẫn là một điều kiện quan trọng để thúc đẩy

CDCCNKT nhất là hạ tầng trong khu CN và hệ thống ngân hàng, kiểm toán phát triển chậm hơn yêu cầu.

Thứ mười bốn; Nhóm yếu tố môi trường kinh doanh hay thể chế có ảnh hưởng lớn tới quyết định lựa chọn lĩnh vực hoạt động của DN. Tuy nhiên các yếu tố có mức ảnh hưởng chưa rõ ràng như cạnh tranh bình đẳng, đào tạo lao động, và hệ thống pháp luật và tư pháp. Đây cũng là những yếu tố cần cải thiện nhằm nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh. Các yếu tố còn lại cần tiếp tục duy trì chất lượng nhưng cũng thường xuyên điều chỉnh cải thiện.

Thứ mười năm; Nhóm yếu tố về thị trường có tác động chưa rõ ràng và dường như chưa phát huy được để thu hút DN và điều chỉnh cơ cấu kinh tế./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐƯỢC CÔNG BỐ

[1] Nguyễn Hồng Quang (2012), *Phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Nam trong bối cảnh tái cấu trúc kinh tế Việt Nam*, "Hội thảo khoa học – Phát triển Kinh tế - xã hội miền Trung và Tây nguyên gắn với yêu cầu tái cơ cấu kinh tế", tháng 6/2012.

[2] Nguyễn Hồng Quang (2013), *Tác động của FDI tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Nam*, "Hội thảo khoa học – Mô hình tăng trưởng kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện địa hóa và Hội nhập quốc tế, 10/2013"

[3] Bùi Quang Bình, Nguyễn Hồng Quang (2016), *Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh ế tỉnh Quảng Nam*, "Tạp chí nghiên cứu kinh tế", Số 8, 2016

[4] Nguyễn Hồng Quang (2016), *Tình hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Quảng Nam (9/2016)*, "Tạp chí Khoa học", Trường Đại học Quảng Nam.

[5] Nguyễn Chín, Nguyễn Hồng Quang (2016), *Phân tích tác động của các nhân tố sản xuất đến tăng trưởng công nghiệp và xây dựng tỉnh Quảng Nam - (11/2016)*, "Hội thảo khoa học quốc gia Thống kê và tin học ứng dụng".

[6] Nguyễn Viết Vy, Nguyễn Hồng Quang, Lê Phước Hoài Bảo (2016), *Đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế miền Trung – Tây nguyên thông qua liên kết vùng (11/2016)*, "Hội thảo khoa học quốc gia năm 2016 – Phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây nguyên.